

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 455/2024/DS-PT

Ngày 09-9-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng góp

hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Trần Quốc Vũ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, *Kiểm sát viên.*

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 371/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị B, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ C, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; HKTT: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nơi tạm trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị N làm chủ hội và bà có tham gia các dây hội của bà N cụ thể như sau:

Dây hội thứ 1: Khai ngày 10/01/2020 (AL), hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 17 phần. Bà tham gia 01 phần. Khi tham gia chơi thì chủ thảo hội không có giao danh sách hội cho hội viên mà cung cấp cho hội viên 01 cuốn sổ nhỏ để ghi hội. Hàng tháng bỏ thăm bao nhiêu, đóng tiền hội bao nhiêu đều được ghi chung trong cuốn sổ này và bà N có ký tên xác nhận. Dây hội này bà chưa hót, đã đóng được 14 kỳ thì ngưng đóng do bà N không gom hội nữa. Tổng số tiền hội thực đóng 14 kỳ là 21.010.000 đồng. Bà không biết các hội viên cùng tham gia chơi dây hội này gồm những ai. Bà N còn nợ bà số tiền hội 21.010.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Khai ngày 04-5-2020 (AL), hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần. Bà tham gia 01 phần. Khi tham gia chơi thì chủ thảo hội không có giao danh sách hội cho hội viên mà viết cùng trong sổ hội do trước đó bà Ngũ c cấp cho hội viên. Hàng tháng bỏ thăm bao nhiêu, đóng tiền hội bao nhiêu đều được ghi chung trong cuốn sổ này và bà N có ký tên xác nhận. Dây hội này bà đóng được 10 kỳ thì ngưng đóng. Tổng số tiền hội thực đóng là 10 kỳ là 14.680.000 đồng. Bà không biết các hội viên cùng tham gia chơi dây hội này gồm những ai. Bà N còn nợ bà số tiền hội 14.680.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Khai ngày 06-8-2020 (AL), hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần. Bà tham gia 01 phần. Khi tham gia chơi thì chủ thảo hội không có giao danh sách hội cho hội viên mà viết cùng trong sổ hội do trước đó bà Ngũ cung c1 cho hội viên. Hàng tháng bỏ thăm bao nhiêu, đóng tiền hội bao nhiêu đều được ghi chung trong cuốn sổ này và bà N có ký tên xác nhận. Dây hội này bà đóng được 07 kỳ thì ngưng đóng. Tổng số tiền hội thực đóng là 07 kỳ là 10.320.000 đồng. Bà N còn nợ tôi số tiền hội 10.320.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội vợ chồng bà N còn nợ là 46.010.000 đồng.

Ngoài ra, bà không còn tham gia chơi dây hội nào khác. Bà N ngưng hội từ ngày 01-4-2021 và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện ngày 08-01-2024, bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông C trả cho bà số tiền nợ hội 46.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện yêu cầu bà N và ông C trả số tiền nợ hội 46.010.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 25-5-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại loa án, bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà Đặng Thị B khởi kiện yêu cầu bà và ông Lê Văn C (chồng bà) trả số tiền hụi 46.010.000 đồng, bà không đồng ý vì việc bà B cung cấp các giấy khai hụi cho T án không ghi rõ họ và tên của chủ hụi. Bà không xác định được bà B có phải là hụi viên của dây hụi do bà làm thảo hụi hay không.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 26-4-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N2. Việc bà N2 làm chủ thảo hụi thì ông có biết nhưng không biết cụ thể gồm những ai chơi hụi và việc chơi hụi như thế nào. Tiền hụi do bà N2 quản lý và không mua sắm gì cho gia đình. Hàng ngày ông đi làm đánh bắt cá từ 05 giờ sáng đến trưa về nhà và vào vườn chăm sóc vườn cây ăn trái nên không biết việc bà N2 làm thảo hụi. Nay, bà B khởi kiện yêu cầu ông cùng với bà N2 trả tiền hụi cho bà B ông không đồng ý vì không liên quan đến ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị B đối với bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị B số tiền hụi là 46.010.000 (bốn mươi sáu triệu không trăm mười nghìn) đồng. Ghi nhận, bà Đặng Thị B không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 03-7-2024, ông Lê Văn C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông liên đới trả tiền hụi cùng với bà N vì ông không biết việc chơi hụi của bà N, không sử dụng tiền hụi chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Cùng ngày, bà Nguyễn Thị N cũng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền; các tài liệu là sổ hụi, giấy hụi do nguyên đơn cung cấp không có cơ sở xác định là chữ ký, chữ viết của bà vì bà không phải là chủ hụi của các dây hụi này và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong sổ ghi hụi; ông C chồng bà không biết việc bà tổ chức hụi, Tòa án buộc ông C liên đới cùng bà trả tiền hụi là không đúng.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N; căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, bà Nguyễn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do bị coi là từ bỏ kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N và ông C là vợ chồng, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, ông bà chưa ly hôn nên căn cứ Điều 15 Luật cư trú thì địa chỉ này là nơi cư trú của vợ chồng bà N, ông C. Bà N tổ chức hội năm 2019, tháng 4/2021 bà N bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho người khởi kiện biết địa chỉ mới. Sau khi biết bị khởi kiện, bà Ngũ cung c1 cho toà án thông tin đang tạm trú tại tỉnh Đồng Nai và yêu cầu chuyển thẩm quyền. Bà N thừa nhận đi sang tỉnh Đồng Nai để bán vé số, còn ông C cho rằng không biết bà N đi đâu nhưng cũng không thông báo với cơ quan chức năng để tìm kiếm, cho thấy mục đích thay đổi nơi cư trú của bà N chỉ nhằm giấu địa chỉ, gây khó khăn cho nguyên đơn và cơ quan tiến hành tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 tiếp tục giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặt khác, căn cứ điểm a, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn cũng có quyền lựa chọn toà án nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, nơi bị đơn có tài sản hoặc nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn C thấy rằng:

Ông C thừa nhận biết việc bà N làm chủ thảo hội nhưng cho rằng tiền hội do bà N quản lý, không mua sắm gì trong gia đình; sau khi nợ người khác thì bà

N bỏ đi đâu ông không rõ; trong đơn kháng cáo, ông C lại trình bày không biết việc bà N làm chủ thảo hui. Còn bà N thì trình bày tại cấp sơ thẩm rằng không nhớ bà B có tham gia hui do bà làm chủ hay không, không nhớ có giao danh sách hui, ghi sổ hui cho hui viên hay không, không biết mục đích mở hui để làm gì, lí do bà bỏ đi khỏi địa phương là vì sử dụng tiền của ông C nhiều; bà N cũng không phản đối các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Tại đơn kháng cáo, bà N lại cho rằng các hui viên tham gia hui nhưng không cung cấp được danh sách hui viên, không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc giao nhận tiền hui, không thừa nhận là chủ hui, không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong sổ hui và yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Xét thấy, lời trình bày của bà N và ông C có mâu thuẫn với nhau và không phù hợp với thực tế, nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm trả nợ và trốn tránh trách nhiệm liên đới giữa vợ chồng. Cấp sơ thẩm xét xử buộc ông C có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền hui cho bà B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà N, ông C là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 23 Nghị định số 19/2019 Đ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biểu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị B đối với bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hui".

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị B số tiền hụi là 46.010.000 (bốn mươi sáu triệu không trăm mười nghìn) đồng. Ghi nhận, bà Đặng Thị B không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đặng Thị B cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C con phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bà Đặng Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Đặng Thị B 1.162.000 (một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005799 ngày 15-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Võ Thị Hồng Mai

